

Bản án số: 110/2021/HS-ST
Ngày 24-8-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hợi và Nguyễn Văn Hải;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa: Ông Lưu Nguyễn Vũ - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 101/2021/TLST-HS, ngày 27 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: Phan Văn T- Sinh ngày: 12/4/1972 tại Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: TDP 5, phường M, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông: Phan Văn K - Sinh năm: 1955 và bà: Dương Thị T - Sinh năm: 1953, gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình, có vợ là: Lưu Thị H - Sinh năm: 1977 và 03 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2011;

- Tiền án; Có 02 tiền án:

+ Tại bản án số 112/HSST ngày 20/8/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xử phạt 7 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

+ Tại bản án số 44/HSST ngày 16/10/2018 của TAND thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp với 07 tháng tù tại bản án số 112/2018 của TAND huyện Sóc Sơn, buộc Phan Văn T phải chấp hành hình phạt của cả hai bản án là 22 tháng tù; chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/4/2020.

Tiền sự: Không có.

- *Nhân thân:*

+ Ngày 07/7/2017, Công an thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh nhau; đã chấp hành xong.

+ Ngày 12/11/2017, Công an phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi trộm cắp tài sản; đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2021 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

- ***Bị hại:***

1. Chị Lê Thị Ngọc V- Sinh ngày: 31/10/2005;

Nơi cư trú: Xóm T1, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Người đại diện hợp pháp của chị V: Anh Lê Ngọc A – Sinh năm: 1984 (Là bố đẻ chị V); Nơi cư trú: Xóm T1, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. (Chị V vắng mặt, anh A có mặt tại phiên tòa).

2. Anh Đặng Quốc H- Sinh ngày: 03/9/2005;

Nơi cư trú: Xóm P, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Người đại diện hợp pháp của anh Huy: Anh Đặng Văn H – Sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Xóm P xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Anh vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt,
anh H vắng mặt tại phiên tòa).

3. Anh Đàm Văn T- Sinh ngày: 24/12/2001;

Nơi cư trú: Xóm 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Anh T có mặt tại phiên tòa).

4. Chị Mông Thị K- Sinh ngày: 08/5/2001;

Nơi cư trú: Xóm P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Chị K vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

5. Anh Trịnh Quốc C - Sinh ngày: 21/8/2003;

Nơi cư trú: Xóm N1, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Anh C có mặt tại phiên tòa).

6. Anh Dương Văn S- Sinh ngày: 18/9/1991;

Nơi cư trú: Xóm 5, xã M huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Anh S có mặt tại phiên tòa).

7. Chị Lăng Huyền T- Sinh ngày: 13/11/2000;

Nơi cư trú: Phố C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

(Chị T có mặt tại phiên tòa).

- ***Người làm chứng:***

1. Chị Nguyễn Ngọc Q - Sinh năm: 1988;

Nơi cư trú: Tổ 05, phường M, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên;

2. Anh Phan Văn L – Sinh năm: 1980;
Nơi cư trú: Tổ 05, phường M, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên;
3. Chị Dương Thị Thúy H – Sinh năm: 1970;
Nơi cư trú: Tổ 02, phường M, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên;
(Đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phan Văn T là bảo vệ tại Công ty TNHH New One Vna - khu Công nghiệp Đ thuộc xóm Bình 1, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Trong khi làm nhiệm vụ bảo vệ tại khu vực nhà để xe của công ty, T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của công nhân công ty để trong cốp xe mô tô gửi tại nhà để xe để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Trong ca trực bảo vệ nhà xe của công ty vào các ngày 14 đến ngày 17 /5/2021, T nhiều lần dùng tay cạy yên mở cốp xe của công nhân công ty Newone Vna để trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

- Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 14/5/2021, T đi vào trong nhà để xe dùng tay cạy cốp xe mô tô BKS 20M-0265 của chị Lê Thị Ngọc V, sau đó thò tay vào trong cốp xe trộm cắp được 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu trắng cho vào trong túi quần đang mặc cất giấu, rồi tiếp tục làm việc. Đến khoảng hơn 00 giờ 00 ngày 15/5/2021, T tiếp tục đi vào nhà để xe, dùng tay cạy cốp xe mô tô BKS 20AF-028.83 của anh Đặng Quốc H trộm cắp được 01 điện thoại di động Iphone 5S màu đen xám, rồi đến cạy cốp xe mô tô BKS 20F1-612.22 của anh Đàm Văn T trộm cắp được 01 điện thoại di động Iphone 7 plus màu đen. Sau khi lấy được hai chiếc điện thoại T cho vào túi quần cất giấu. Sau khi hết ca làm việc, đến khoảng 07 giờ sáng ngày 15/5/2021 T mang 03 chiếc điện thoại đi động trộm cắp được về nhà cất giấu.

- Đến 19 giờ 00 phút ngày 15/5/2021, T tiếp tục đến Công ty TNHH New One Vna làm việc, khoảng 22 giờ cùng ngày T cạy cốp xe mô tô BKS 20C1-316.10 của chị Mông Thị K, nhưng thấy cốp không khóa. T dùng tay mở cốp xe trộm cắp được 500.000 đồng, 01 giấy đăng kí xe mô tô và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc xe mô tô BKS 20C1-316.10 của chị K và cho vào trong túi quần đang mặc cất giấu.

- Khoảng hơn 01 giờ 00 ngày 16/5/2021, T tiếp tục vào trong nhà để xe cạy cốp xe mô tô BKS 20B2-371.29 của anh Trịnh Quốc C trộm cắp được 01 điện thoại Iphone XS Max màu đen trắng, rồi đến cạy cốp xe mô tô BKS 20B1-446.65 của anh Dương Văn S trộm cắp được 01 điện thoại di động Redmi 9T màu đen, T cất giấu hai chiếc điện thoại vào túi quần, rồi tiếp tục làm việc. Đến 07 giờ 00 phút cùng ngày hết ca làm T mang điện thoại trộm cắp được về nhà cất giấu. Đến khoảng hơn 07 giờ 30 phút ngày 16/5/2021, T mang chiếc điện thoại di động Iphone 6 plus màu trắng và

chiếc điện thoại di động Iphone XS Max màu đen-trắng trộm cắp được đến quán điện thoại của chị Nguyễn Ngọc Q, T để lại hai chiếc điện thoại này để nhờ chị Q phá khóa máy rồi về nhà ngủ. Khoảng 16 giờ 00 cùng ngày chị Dương Thị Thúy H đến nhà T chơi, T đưa chiếc điện thoại di động Redmi 9T màu đen cho chị H nhờ mang máy đi chạy lại phần mềm, H đồng ý cầm điện thoại di động Redmi 9T màu đen về nhà chạy lại phần mềm.

- Đến khoảng 07 giờ 00 phút ngày 17/5/2021, T đến gặp anh Phan Văn L, T nói với anh L là có nhặt được một chiếc điện thoại di động và đưa cho L chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen nhờ L phá khóa hộ và vay của anh L 2.000.000 đồng, anh L đồng ý và cho T vay tiền. Sau đó T đến Công ty làm việc, T đã gọi điện cho chị H nhờ đến nhà cầm chiếc điện thoại di động Iphone 5s màu đen xám mang đi mở khóa hộ, chị H đồng ý và đến nhà T cầm điện thoại đi mở khóa. Đến khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày khi đang làm việc tại khu vực nhà xe của công ty, T thấy chiếc xe máy điện của chị Lăng Huyền T để ở cạnh vị trí T ngồi trực, yên xe không khóa nên T đã mở yên xe trộm cắp 01 điện thoại di động Iphone 6S màu hồng và 500.000 đồng chị T để trong cốp xe, T mang điện thoại và tiền trộm cắp được cho vào cốp xe mô tô BKS 61T9-8527 của T cất giấu, rồi tiếp tục làm việc.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản các bị hại nêu trên đã gửi đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình đề nghị giải quyết. Qua xác minh, điều tra xác định Phan Văn T là người cậy cốp xe mô tô của những người bị hại nêu trên để trộm cắp tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình đã thu hồi lại được 06 chiếc điện thoại di động, số tiền 500.000 đồng của chị T và giấy tờ xe của chị K do T, chị H, chị Q và anh L giao nộp, thu giữ chiếc ốp điện thoại và sim điện thoại của chị T tại vị trí thùng rác gần khu vực nhà xe do T tháo vút vào thùng rác. Đối với số tiền 500.000 đồng trộm cắp được của chị K, T đã tiêu xài cá nhân hết 350.000 đồng nên chỉ thu giữ được 150.000 đồng. Ngoài ra còn thu giữ của T số tiền 2.000.000 đồng; 01 ví da màu đen cũ, 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila màu đen đỏ BKS 61T9-8527, 01 áo sơ mi cộc tay màu xanh và 01 quần dài bằng vải màu đen (quần áo T mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình đã yêu cầu định giá tài sản đối với 06 chiếc điện thoại mà T đã trộm cắp của các bị hại nêu trên. Tại bản kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐDGTS ngày 20/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phú Bình đã kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng T trộm cắp của chị V có giá trị 1.600.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen T trộm cắp của anh T có giá trị 3.500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu đen xám T trộm cắp của anh H có giá trị 500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu đen trắng T trộm cắp của anh C có giá trị 10.500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9T màu đen T trộm cắp của anh S có giá trị 2.000.000 đồng; 01 điện thoại di

động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng T trộm cắp của chị T có giá trị 1.300.000 đồng. Tổng giá trị của 06 chiếc điện thoại T trộm cắp là 19.400.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Phan Văn T đã khai nhận hành V phạm tội như đã nêu trên, T khai sau mỗi lần lấy trộm được điện thoại T đều tháo sim ra và vứt bỏ vào thùng rác, khi đưa điện thoại cho chị H, chị H, chị Q và anh L để mở khóa và chạy lại phần mềm T không nói cho những người này biết là điện thoại do trộm cắp mà có.

Tại bản cáo trạng số 112/CT-VKSPB, ngày 24-7-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Phan Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Phan Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định hành V phạm tội của bị cáo, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của BLHS, xử phạt bị cáo T từ 24-30 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị K số tiền là 350.000 đồng;

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 của BLTTHS:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 ví da màu đen; 01 áo sơ mi cộc tay màu xanh đã qua sử dụng; và 01 quần dài bằng vải màu đen đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho chị Lăng Huyền T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng và số tiền 500.000 đồng; trả lại cho chị Mông Thị K 01 đăng ký xe mô tô và 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô và số tiền 150.000 đồng; trả lại cho anh Dương Văn S 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9T màu đen; trả lại cho anh Đặng Quốc H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu đen xám, trả lại cho anh Đàm Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen; trả lại cho chị Lê Thị Ngọc V 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng; trả lại cho anh Trịnh Quốc C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max màu đen trắng.

- Tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng để đảm bảo việc thi hành án cho bị cáo.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và DSST sung quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật.

Bị cáo Phan Văn T không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì về hành vi phạm tội của mình. Khi được nói lời sau cùng bị cáo có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù.

Các bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại trong vụ án (*Các anh T, C, S và anh A*) đều có ý kiến: Về hình phạt đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo; về dân sự yêu cầu được bồi th và trả lại các tài sản đã bị bị cáo trộm cắp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, các bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn khách quan, tự nguyện nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận, vì đã phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, người làm chứng trong vụ án và các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ căn cứ kết luận:

Bị cáo Phan Văn T được tuyển dụng vào làm bảo vệ ở khu vực nhà để xe của Công ty TNHH New Oan Vna - Khu Công nghiệp Đ (Thuộc xóm B, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên) từ ngày 12/5/2021; lợi dụng nhiệm vụ được giao nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của các công nhân để trong cốp xe mô tô gửi tại nhà để xe của Công ty mục đích bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Thực hiện ý định nêu trên, trong khoảng thời gian từ ngày 14/5/2021 đến 17/5/2021, tại nhà để xe Công ty New One Vna, bị cáo Phan Văn T đã cạy cốp xe của các bị hại là công nhân của Công ty gồm: Lê Thị Ngọc V, Đặng Quốc Huy, Đàm Văn T, Mông Thị K, Trịnh Quốc C, Dương Văn S, Lãng Huyền T trộm cắp được 06 chiếc điện thoại di động các loại có tổng giá trị là 19.400.000 đồng và số tiền mặt là 1.000.000 đồng cùng một số giấy tờ cá nhân. Tổng giá trị tài sản T đã trộm cắp của các bị hại là 20.400.000 đồng.

Xét thấy, bị cáo Phan Văn T là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên buộc phải nhận thức và biết được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Hành vi lén lút, lợi dụng sự sơ

hở của các chủ sở hữu tài sản để chiếm đoạt tài sản là tiền, 06 điện thoại chiếc có tổng giá trị như đã nêu trên và giấy tờ các nhân khác của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Bản Cáo trạng của viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội danh, điều luật viện dẫn trên là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều luật như sau:

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản.

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành V phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mức độ của tội phạm là ít nghiêm trọng, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được Pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định về an ninh trật tự ở địa phương. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xét xử nghiêm minh bằng pháp luật hình sự nhằm tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình 01 tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Ngoài ra, bị cáo còn có bố, mẹ đẻ được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương, tại phiên tòa một số bị hại và người đại diện hợp pháp xin giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo, nên bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội nhiều lần” và “Tái phạm” quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Về nhân thân, thấy bị cáo đã bị xử phạt tù và xử phạt vi phạm hành chính nhiều lần về hành vi trộm tài sản... nay lại tiếp tục phạm tội có cùng tính chất, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm cho bản thân mà lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội, điều đó thể hiện bị cáo là người có nhân thân rất xấu và coi thường pháp luật. Do đó, dù có giảm nhẹ phần nào về hình phạt, nhưng căn cứ nhân thân cũng như tính chất, mức độ vi phạm do hành vi phạm tội của bị cáo cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian tương xứng để có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của BLHS thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền...Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về thiệt hại và xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt 06 chiếc điện thoại di động có các nhãn hiệu khác nhau và số tiền 1.000.000 đồng cùng một số giấy tờ cá nhân của các chủ sở hữu là: Lê Thị Ngọc V, Đặng Quốc H, Đàm Văn T, Mông Thị K, Trịnh Quốc C, Dương Văn S, Lăng Huyền T. Sau khi vụ việc bị phát hiện, cơ quan điều tra đã thu hồi lại được 06 chiếc điện thoại di động, số tiền 500.000 đồng của chị T, số tiền 150.000 đồng và giấy tờ xe của chị K để chờ xử lý theo quy định pháp luật (*Hiện các tài sản trên chưa được trả lại cho chủ sở hữu*). Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị hại đều yêu cầu được trả lại tài sản đã bị chiếm đoạt. Xét yêu cầu này của các bị hại là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 47, khoản 1 điều 48 của BLHS, khoản 3 Điều 106 của BLTTHS nên cần trả lại số tài sản nêu trên cho các chủ sở hữu quản lý, sử dụng.

Đối với số tiền bị cáo trộm cắp của chị K là 500.000 đồng, bị cáo đã tiêu sài hết 350.000 đồng chưa thu hồi được, do đó, cần buộc bị cáo trả lại cho chị K số tiền này theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của BLHS.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 của BLHS và Điều 106 BLTTHS, xử lý vật chứng vụ án như sau:

- Đối với những vật chứng gồm: 01 chiếc ví da màu đen đã cũ; 01 chiếc áo sơ mi cộc tay màu xanh và 01 quần dài bằng vải màu đen đều đã qua sử dụng...Xét thấy đây là vật chứng không có giá trị và không sử dụng được nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định điểm c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

- Đối với các tài sản gồm: 06 chiếc điện thoại di động gồm các nhãn hiệu khác nhau; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô + Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô của chị Mông Thị K đã tạm giữ thuộc quyền sở hữu của các bị hại trong vụ án, nên cần trả lại cho chủ sở hữu quản lý sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của BLHS và khoản 3 Điều 106 của BLTTHS.

- Đối với số tiền 2.650.000 đồng đã tạm giữ; trong đó có: 500.000 đồng thuộc quyền sở hữu của chị T, 150.000 đồng thuộc quyền sở hữu của chị K, cần trả lại cho chủ sở hữu quản lý sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của BLHS và khoản 3 Điều 106 của BLTTHS; số tiền còn lại là 2.000.000 đồng (Do bị cáo vay của anh Phan Văn L), nên thuộc quyền sở hữu của bị cáo; tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc Thi hành án cho bị cáo.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính đối với bị cáo, về bồi

thường dân sự, hướng xử lý vật chứng vụ án ... là phù hợp với các quy định của Pháp luật cần được chấp nhận.

[8] Liên quan đến vụ án, còn có Nguyễn Ngọc Quỳnh, Dương Thị Thúy H, Phan Văn L do không hứa hẹn trước và không biết điện thoại T đưa cho để nhờ mở khóa máy hộ và chạy lại phần mềm là tài sản do bị cáo phạm tội mà có và họ cũng không tham gia bàn bạc thực hiện cùng T. Xét thấy hành vi của Q, H, L là không cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

[9] Cần áp dụng Điều 329 của BLTTHS ra quyết định tạm giam bị cáo với thời hạn 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sung quỹ Nhà nước, theo quy định pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 47; 48, khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

- Các Điều 357, 468, 584, 586 và Điều 589 của BLDS;

- Điều 106, Điều 136 và Điều 329, 331 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố Phan Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Phan Văn T **30** (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 18/5/2021.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định khoản 5 Điều 173 của BLHS.

4. Áp dụng Điều 329 của BLTTHS: Ra Quyết định tạm giam Phan Văn T với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Phan Văn T phải có trách nhiệm trả lại cho chị Mông Thị K số tiền 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Chị K), cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (Bị cáo T) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy những vật chứng sau đây: 01 (một) ví da màu đen đã qua sử dụng được niêm phong vào bì thư dán kín có dấu đỏ ký hiệu HC1 của Phan Văn T; 01 (một) áo sơ mi cộc tay màu xanh, mặt ngoài ngực áo bên trái và mặt ngoài ống tay áo bên trái có logo của Công ty “KTC” và 01 quần dài bằng vải màu đen đã qua sử dụng được niêm phong trong túi niêm phong mã số: PS1- 22017101.

- Trả lại cho chị Lăng Thị Huyền T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng đã qua sử dụng và 01 sim bị cong vênh, 01 ốp dạng ốp điện thoại màu trong suốt, được niêm phong trong bì niêm phong còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ ký hiệu ĐT1 và số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho chị Mông Thị K 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 02559 biển số đăng ký 20C1-316.10; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô số AA20/1797665 số BKS: 20C1-316.10 được niêm phong trong bì niêm phong còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ ký hiệu A và số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho anh Dương Văn S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9T màu đen máy cũ đã qua sử dụng, được niêm phong trong bì niêm phong còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ ký hiệu HS.

- Trả lại cho anh Đặng Quốc H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu đen xám máy cũ đã qua sử dụng, được niêm phong trong bì niêm phong còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ ký hiệu HH.

- Trả lại cho anh Đàm Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, máy cũ đã qua sử dụng, được niêm phong trong bì niêm phong còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ ký hiệu HT.

- Trả lại cho chị Lê Thị Ngọc V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng, máy cũ đã qua sử dụng, được niêm phong trong bì niêm phong còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ ký hiệu HV.

- Trả lại cho anh Trịnh Quốc C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SX MAX màu đen, trắng máy cũ đã qua sử dụng, được niêm phong trong bì niêm phong còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ ký hiệu HC.

- Tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để đảm bảo việc Thi hành án cho bị cáo

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/8/2021 và ủy nhiệm chi chuyển khoản số 169 ngày 04 /8/2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên).

7. Về án phí: Buộc bị Phan Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST sung quỹ Nhà nước.

8. Thông báo quyền kháng cáo: Ân xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, các bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại (Anh Lê Ngọc A, anh Đàm Văn T, anh

Trịnh Quốc C, anh Dương Văn S, chị Lăng Huyền T) báo cho những người này biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Các bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại (Chị Lê Thị Ngọc V, anh chị Mông Thị K, anh Đặng Quốc H và anh Đặng Văn H) vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Thái nguyên;
- VKSND, THADS huyện Phú Bình;
- Công an huyện Phú Bình;
- Bị cáo, các bị hại và người ĐDHP;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Toàn